

Số:.....

**KẾ HOẠCH NĂM NĂM 2016 - 2020  
VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

Kính gửi: Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Đơn vị: Khách sạn Rex

Báo cáo kế hoạch 5 năm: giai đoạn từ 2016 - 2020 Ngày lập báo cáo: 12/01/2020

Mã số ID:

|                                |  |
|--------------------------------|--|
| Ngày tháng năm nhận báo cáo    |  |
| Ngày tháng năm xử lý, xác nhận |  |

Phân ngành: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng

Tên cơ sở: Khách sạn Bến Thành (Rex)

Mã số thuế: 03006252-10-002

Địa chỉ: 141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: Vũ Ngọc Lộc

Điện thoại: 3829 2185 Fax: 3829 6536 Email: [vn.loc@rex.com.vn](mailto:vn.loc@rex.com.vn)

Trực thuộc (tên công ty mẹ): Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một Thành Viên

Địa chỉ: 23 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 38 225 887 Fax: 38 243 239 Email: [saigontourist@sgtourist.com.vn](mailto:saigontourist@sgtourist.com.vn)

Chủ sở hữu: Nhà nước

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

| Công nhân viên     | Quản lý, phục vụ khách sạn/ nhà hàng | Nhân viên tạp vụ, phục vụ khác | Nhân viên vận hành/ sửa chữa thiết bị NL |
|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------|--|
| Số lượng 494 người | 416 người                            | 46 người                       | 32 người                                 |

|                               |  |                            |                       |
|-------------------------------|--|----------------------------|-----------------------|
| Năm đưa tòa nhà vào hoạt động | Khu Đông: 1959<br>Khu Tây: 2013<br>Khu Bắc: 2008 | Loại công trình            | Khách sạn             |
| Tổng diện tích mặt sàn        | 48.164 m <sup>2</sup>                            | Số tầng                    | 07                    |
| Tổng diện tích được bao che   | 41.690 m <sup>2</sup>                            | Tổng diện tích bán bao che | 2.472 m <sup>2</sup>  |
| Tổng diện tích không bao che  | 4.002 m <sup>2</sup>                             | Diện tích được ĐHNĐ (1)    | 24.070 m <sup>2</sup> |
| Loại tòa nhà (2)              | Khách sạn, nhà hàng                              |                            |                       |

|  |                       |  |                      |
|--|-----------------------|--|----------------------|
| Số phòng khách sạn/nhà hàng                          | 286/02                | Số văn phòng làm việc (nội bộ)                 | 03                   |
| Tổng diện tích phòng khách ở                         | 19.617 m <sup>2</sup> | Số lượng tối đa (khách/ tối).                  | 350                  |
| Tổng diện tích phòng tiệc - họp                      | 4.534 m <sup>2</sup>  | Số phòng họp                                   | 08                   |
| Tổng diện tích phòng ăn (căn tin nội bộ + nhà hàng)) | 12.024 m <sup>2</sup> | Diện tích khu vui chơi, giải trí               | 3.293 m <sup>2</sup> |
| Tổng diện tích nhà để xe cho thuê                    | 3.492 m <sup>2</sup>  | Diện tích làm dịch vụ khác (Mặt bằng cho thuê) | 2.187 m <sup>2</sup> |

Ghi chú: (1) ĐHND – Điều hòa nhiệt độ. (2) Là khách sạn hay nhà hàng.

#### Mức tiêu thụ năng lượng hiện tại (Số liệu báo cáo thực hiện trong năm 2019)

| Loại nhiên liệu | Khối lượng |         | Nhiệt năng |        | Giá nhiên liệu TB |       | Mục đích sử dụng                         |
|-----------------|------------|---------|------------|--------|-------------------|-------|--|
| Dầu Diezen      | 3.805      | Lít/năm |            | kJ/lít | 15.310            | đ/lít | Chạy máy phát điện khi có sự cố cúp điện |
| Xăng            | 25.452     | Lít/năm |            | kJ/lít | 18.836            | đ/lít | Vận chuyển hành khách                    |
| Khí đốt (LPG)   | 163.732    | Kg/năm  |            | kJ/kg  | 23.529            | đ/kg  | Nấu ăn, giặt ủi                          |

|  |  |  |
|--|--|--|
| Điện năng mua ngoài  | Công suất: trạm biến áp 3.000 kVA  | Điện năng $8,67 \times 10^6$ kWh/năm     |
| Giá điện mua   | Trung bình: 2.692 đồng/kWh   | Tổng cộng: $22.849 \times 10^6$ đồng/năm |
| Điện tự sản xuất (nếu có)<br>(Máy phát điện chỉ hoạt động khi xảy ra sự cố cúp điện trên mạng) | Công suất lắp đặt: 1.500 KVA + 1.250 KVA + 1.250 KVA<br>Điện năng sản xuất: ..... $10^6$ kWh/năm |  |
|  | Công nghệ:   |  |
|  | Nhiên liệu sử dụng: dầu DO   |  |
|  | Nhiên liệu thay thế: không   |  |

## II. Kế hoạch, mục tiêu tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm năm tới

### 2.1. Các giải pháp và dự kiến kết quả

| Giải pháp TKNL<br>dự kiến áp dụng  | Năm bắt<br>đầu | Năm kết<br>thúc | Mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả NL |  |  |                               |                   |   |
|--|----------------|-----------------|---|--|--|-------------------------------|-------------------|---|
|  |                |                 | Loại nhiên<br>liệu                      | Mục đích của<br>giải pháp                              | Mức TKNL dự kiến đạt được  | Dự kiến chi<br>phí (Tr. đồng) | Hoàn vốn<br>(năm) | Mức cam kết và<br>khả năng thực<br>hiện (2) |
| Cài đặt nhiệt độ máy lạnh<br>khu vực phòng ngủ ở 25 <sup>0</sup> C<br>thay vì 22 <sup>0</sup> C                      | 2016           | 2020            | Điện năng                               | Tiết giảm<br>điện sử<br>dụng                           | Mức TK 28.000 (kW/năm)<br>Tương đương: 2%<br>Thành tiền: 70 (Tr. đồng/năm)<br>Lợi ích khác:      | -                             | -                 | 100%  |
| - Tắt, mở xen kẽ đèn chiếu<br>sáng hành lang vào buổi<br>sáng.<br>- Tắt bớt đèn tại những khu<br>vực có đủ ánh sáng. | 2016           | 2020            | Điện năng                               | Tiết giảm<br>điện sử<br>dụng                           | Mức TK: 12.000 (kW/năm)<br>Tương đương: 1,2%<br>Thành tiền: 28 (Tr. đồng/năm)                    | -                             | -                 | 100%  |
| Kiểm toán năng lượng   | 2018           | 2020            | Điện năng<br>Gas (LPG)<br>Dầu DO        | Tìm kiếm cơ<br>hội cải tiến<br>tiết kiệm<br>năng lượng | -  | 70                            | -                 | 100%  |
| Thay thế 270 bóng đèn<br>halogen 50w bằng bóng<br>đèn led 3w.  | 2016           | 2017            | Điện năng                               | Tiết giảm<br>điện sử<br>dụng                           | Mức TK : 139,104 (kW/năm)<br>Tương đương: 92%<br>Thành tiền: 347 (Tr. đồng/năm)<br>Lợi ích khác: | 66.5                          |                   | 100%  |
| Thay thế 100 bóng đèn<br>Cenon 35w bằng bóng đèn<br>Led 7w.  | 2016           | 2020            | Điện năng                               | Tiết giảm<br>điện sử<br>dụng                           | Mức TK : 4,032 (kW/năm)<br>Tương đương: 80%<br>Thành tiền: 10 (Tr. đồng/năm)<br>Lợi ích khác:    | 25                            |                   |   |
| Thay thế 250 tăng phô<br>thường bằng tăng phô<br>điện tử.  | 2016           | 2017            | Điện năng                               | Tiết giảm<br>điện sử<br>dụng                           | Mức TK : 128.000 (kW/năm)<br>Tương đương: 20%<br>Thành tiền: 324 (Tr. đồng/năm)<br>Lợi ích khác: | 25.5                          |                   |   |

|   |      |      |           |                        |  |       |  |  |
|---|------|------|-----------|------------------------|--|-------|--|--|
| Thay thế 90 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | 2016 | 2020 | Điện năng | Tiết giảm điện sử dụng | Mức TK 118.000 (kW/năm)<br>Tương đương: 30%<br>Thành tiền: 295 (Tr. đồng/năm)<br>Lợi ích khác: | 1.194 |  |  |
|---|------|------|-----------|------------------------|--|-------|--|--|

Ghi chú: (1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Cho biết khả năng thực hiện (ví dụ: từ 0 đến 100%); mức đảm bảo (thấp, trung bình, cao).

## 2.2. Kế hoạch thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ

| Năm  | Tên thiết bị  | Mô tả tính năng, vị trí sử dụng của thiết bị | Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế) | Lý do lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế  | Mức cam kết và khả năng thực hiện |
|------|---|--|---|--|-----------------------------------|
| 2016 | Thay thế 170 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 3w.         | - Trong toà nhà<br>- Chiếu sáng lối đi       | Thay thế  | - Tiết giảm điện năng sử dụng  | 100%                              |
|      | Thay thế 10 bóng đèn Cenon 35w bằng bóng đèn Led 7w.            | - Đổi màu<br>- Mặt tiền khách sạn            | Thay thế  | - Tăng tính mỹ thuật , nâng cao giá trị của toà nhà,<br>- Tiết giảm điện năng sử dụng. | 100%                              |
|      | Thay thế 100 tăng phô thường bằng tăng phô điện tử.             | - Khu vực văn phòng<br>- Chiếu sáng          | Nâng cấp  | - Tiết giảm điện năng sử dụng  | 100%                              |
|      | Thay thế 34 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | - làm lạnh<br>- Phòng ngủ khu Đông           | Thay thế  | - Tiết giảm năng lượng cho hệ thống máy điều hoà nhiệt độ tại khu vực phòng ngủ        | 100%                              |
| 2017 | Thay thế 100 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 3w.         | - Trong toà nhà<br>- Chiếu sáng lối đi       | Thay thế  | - Tiết giảm điện năng sử dụng  | 100%                              |
|      | Nâng cấp 150 tăng phô thường bằng tăng phô điện tử.             | - Khu vực văn phòng<br>- Chiếu sáng          | Nâng cấp  | - Tiết giảm điện năng sử dụng  | 100%                              |
|      | Thay thế 20 bóng đèn Cenon 35w bằng bóng đèn Led 7w.            | - Đổi màu<br>- Mặt tiền khách sạn            | Thay thế  | - Tăng tính mỹ thuật , nâng cao giá trị của toà nhà,<br>- Tiết giảm điện năng sử dụng. | 100%                              |
|      | Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | - làm lạnh<br>- Phòng ngủ khu Đông           | Thay thế  | - Tiết giảm năng lượng cho hệ thống máy điều hoà nhiệt độ tại khu vực phòng ngủ        | 100%                              |

|      |   |                                    |          |  |      |
|------|---|------------------------------------|----------|--|------|
| 2018 | Thay thế 20 bóng đèn Cenon 35w bằng bóng đèn Led 7w.            | - Đổi màu<br>- Mặt tiền khách sạn  | Thay thế | - Tăng tính mỹ thuật , nâng cao giá trị của toà nhà,<br>- Tiết giảm điện năng sử dụng. | 100% |
|      | Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | - làm lạnh<br>- Phòng ngủ khu Đông | Thay thế | - Tiết giảm năng lượng cho hệ thống máy điều hoà nhiệt độ tại khu vực phòng ngủ        | 100% |
| 2019 | Thay thế 25 bóng đèn Cenon 35w bằng bóng đèn Led 7w.            | - Đổi màu<br>- Mặt tiền khách sạn  | Thay thế | - Tăng tính mỹ thuật , nâng cao giá trị của toà nhà,<br>- Tiết giảm điện năng sử dụng. | 100% |
|      | Thay thế 16 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | - làm lạnh<br>- Phòng ngủ khu Đông | Thay thế | - Tiết giảm năng lượng cho hệ thống máy điều hoà nhiệt độ tại khu vực phòng ngủ        | 100% |
| 2020 | Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | - làm lạnh<br>- Phòng ngủ khu Đông | Thay thế | - Tiết giảm năng lượng cho hệ thống máy điều hoà nhiệt độ tại khu vực phòng ngủ        | 100% |

### III. Kết quả thực hiện kế hoạch (Tổng hợp từ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm chuyền qua)

#### 3.1. Các giải pháp và kết quả đạt được

| Năm  | 2016    | 2017       | 2018            | 2019            | 2020 |
|--|---------|------------|-----------------|-----------------|------|
| <b>Giải pháp 1: Cài đặt nhiệt độ máy lạnh, tắt bớt đèn</b>               |         |            |                 |                 |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch (kWh)                   | 55.760  | 40.000     | 28.000          | 28.000          |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được (kWh)                        | 85.371  | 35.222     | 53.462          | 29.381          |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch (%)                     | 5,7%    | 2%         | 2%              | 2%              |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được (%)                          | 9,8%    | 8,2%       | 3,9%            | 2,6%            |      |
| Mức tiết kiệm chi phí – Dự kiến theo kế hoạch (Triệu đồng)               | 95,6    | 98         | 70              | 70              |      |
| Mức tiết kiệm chi phí – Thực tế đạt được (Triệu đồng)                    | 218     | 82,6       | 132,4           | 77,3            |      |
| Chi phí – Dự kiến theo kế hoạch (Triệu đồng)                             | 0       | 0          | 0               | 0               |      |
| Chi phí – Thực tế thực hiện (Triệu đồng)                                 | 0       | 0          | 0               | 0               |      |
| <b>Giải pháp 2: Thay thế bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 3w</b>   |         |            |                 |                 |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch (kWh)                   | 107.309 | 40.608     | 40.608          | 25.000          |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được (kWh)                        | 67.565  | 87.437     | 79.488          | 23.846          |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch (%)                     | 92%     | 94%        | 94%             | 92%             |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được (%)                          | 92%     | 92%        | 92%             | 92%             |      |
| Mức tiết kiệm chi phí – Dự kiến theo kế hoạch (Triệu đồng)               | 268,3   | 113        | 113             | 65              |      |
| Mức tiết kiệm chi phí – Thực tế đạt được (Triệu đồng)                    | 169     | 218,6      | 198,7           | 64              |      |
| Chi phí – Dự kiến theo kế hoạch (Triệu đồng)                             | 51,3    | 20         | 20              | 10              |      |
| Chi phí – Thực tế thực hiện (Triệu đồng)                                 | 32,3    | 24,2       | 38              | 9,5             |      |
| <b>Giải pháp 3: Thay thế 100 bóng đèn cenon 35w bằng bóng đèn led 7w</b> |         |            |                 |                 |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch (kWh)                   | 4.032   | 806        | Không thực hiện | Không thực hiện |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được (kWh)                        | 403     | Không thay |                 |                 |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch (%)                     | 80%     | 80%        |                 |                 |      |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được (%)                          | 80%     | Không thay |                 |                 |      |
| Mức tiết kiệm chi phí – Dự kiến theo kế hoạch (Triệu đồng)               | 10,1    | 2          |                 |                 |      |
| Mức tiết kiệm chi phí – Thực tế đạt được (Triệu đồng)                    | 1,1     | Không thay |                 |                 |      |
| Chi phí – Dự kiến theo kế hoạch (Triệu đồng)                             | 25      | 15         |                 |                 |      |
| Chi phí – Thực tế thực hiện (Triệu đồng)                                 | 2,5     | Không thay |                 |                 |      |

**Giải pháp 4: Thay thế tảng phô thường bằng tảng phô điện tử (từ năm 2018 chuyển qua thay bằng bóng đèn led 20w)**

|  |              |        |        |         |        |  |
|--|--------------|--------|--------|---------|--------|--|
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch | (kWh)        | 86.400 | 86.400 | 129.600 | 35.000 |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được      | (kWh)        | 86.400 | 51.840 | 27.648  | 30.413 |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch | (%)          | 20%    | 20%    | 20%     | 45%    |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được      | (%)          | 20%    | 20%    | 44%     | 44%    |  |
| Mức tiết kiệm chi phí – Dự kiến theo kế hoạch    | (Triệu đồng) | 216    | 216    | 324     | 91     |  |
| Mức tiết kiệm chi phí – Thực tế đạt được         | (Triệu đồng) | 216    | 129,6  | 69      | 79     |  |
| Chi phí – Dự kiến theo kế hoạch                  | (Triệu đồng) | 0      | 25,5   | 8,25    | 24     |  |
| Chi phí – Thực tế thực hiện                      | (Triệu đồng) | 0      | 3,3    | 21      | 23     |  |

**Giải pháp 5: Thay thế máy lạnh 2 Hp inverter cho phòng ngủ khu Đông**

|  |              |        |           |        |        |  |
|--|--------------|--------|-----------|--------|--------|--|
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch | (kWh)        | 66.900 | 39.370    | 19.686 | 39.372 |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được      | (kWh)        | 53.574 | Chưa thay | 31.498 | 36.560 |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch | (%)          | 30%    | 30%       | 30%    | 30%    |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được      | (%)          | 24%    | Chưa thay | 24%    | 25%    |  |
| Mức tiết kiệm chi phí – Dự kiến theo kế hoạch    | (Triệu đồng) | 167    | 99        | 49,2   | 98,4   |  |
| Mức tiết kiệm chi phí – Thực tế đạt được         | (Triệu đồng) | 133,8  | Chưa thay | 78,7   | 102,4  |  |
| Chi phí – Dự kiến theo kế hoạch                  | (Triệu đồng) | 676,6  | 398       | 199    | 398    |  |
| Chi phí – Thực tế thực hiện                      | (Triệu đồng) | 697    | Chưa thay | 318,4  | 450    |  |

**Tổng mức tiết kiệm thu được từ tất cả các giải pháp-**

|  |              |         |         |         |         |  |
|--|--------------|---------|---------|---------|---------|--|
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch | (kWh)        | 320.401 | 207.184 | 217.894 | 127.372 |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được      | (kWh)        | 293.313 | 174.499 | 192.096 | 120.200 |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch | (%)          | 3,9%    | 2,34%   | 3,91%   | 1,33%   |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng – Thực tế đạt được      | (%)          | 3,3%    | 1,97%   | 1,75%   | 1,39%   |  |
| Mức tiết kiệm chi phí – Dự kiến theo kế hoạch    | (Triệu đồng) | 757     | 427     | 556,2   | 324     |  |
| Mức tiết kiệm chi phí – Thực tế đạt được         | (Triệu đồng) | 737,9   | 430,8   | 478,8   | 323     |  |
| Chi phí – Dự kiến theo kế hoạch                  | (Triệu đồng) | 752,9   | 458,5   | 227,25  | 432     |  |
| Chi phí – Thực tế thực hiện                      | (Triệu đồng) | 731,8   | 27,5    | 377,4   | 483     |  |

3.2. Thực hiện việc thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ

| Năm  | Tên thiết bị dự kiến lắp mới/nâng cấp/thay thế theo kế hoạch    | Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế) | Thực hiện<br>(Có/không) | Lý do (Trong trường hợp không thực hiện được)                 |
|------|---|---|-------------------------|---|
| 2016 | Thay thế 34 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | Thay thế  | có                      |   |
|      | Thay thế 170 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 3w.         | Thay thế  | có                      |   |
|      | Nâng cấp 100 tảng phô thường bằng tảng phô điện tử              | Nâng cấp  | có                      |   |
| 2017 | Thay thế 200 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 3w.         | Thay thế  | có                      |   |
|      | Thay thế 300 bóng đèn huỳnh quang 36w bằng bóng đèn led 20w.    | Thay thế  | có                      |   |
|      | Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | Thay thế  | Không                   | Chuyển sang năm tài khóa 2018                                 |
| 2018 | Thay thế 10 bóng đèn Cenon 35w bằng bóng đèn Led 7w.            | Thay thế  | Không                   | Không hiệu quả kinh tế, đơn vị cắt bỏ hệ thống chiếu sáng này |
|      | Thay thế 200 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 4w.         | Thay thế  | có                      |   |
|      | Thay thế 300 bóng đèn huỳnh quang 36w bằng bóng đèn led 20w     | Thay thế  | có                      |   |
|      | Thay thế 16 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | Thay thế  | có                      |   |
| 2019 | Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông | Thay thế  | có                      |   |
|      | Thay thế 90 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 4w.          | Thay thế  | có                      |   |
|      | Thay thế 330 bóng đèn huỳnh quang 36w bằng bóng đèn led 20w     | Thay thế  | có                      |   |

| Năm | Tên thiết bị được lắp mới/nâng cấp/thay thế không có trong kế hoạch | Mô tả tính năng, vị trí sử dụng của thiết bị | Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế) | Lý do lắp mới/nâng cấp/thay thế thiết bị |
|-----|---|--|---|--|
| -   | -   | -  | -   | -  |

#### **IV. Nội dung khác liên quan đến lập kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch năm năm**

|  |
|--|
|  |
|--|

##### **Cam kết**

Được sự ủy quyền của Giám đốc Khách sạn Rex về việc dự thảo lập báo cáo thực hiện kế hoạch năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2016 - 2020 của Khách sạn Rex, tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong tài liệu, đảm bảo các dữ liệu là chính xác và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

TP.HCM, Ngày 12/01/2020

**Người lập kế hoạch**

**Giám đốc**